

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 05-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Siêng.

Bà Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Văn Ổn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST - HS ngày 11 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh N (Tên gọi khác: N), sinh ngày 27/02/1993, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995, con: có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Ngày 25/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 12/9/2019; tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 29/12/2019, chuyển tạm giam ngày 31/12/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Trương Thị Thanh T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện Gò C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Lê Quang Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Đặng Quốc C, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi làm việc hiện nay: Số *, đường *, phường P, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Lê Đức T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số *, tổ *, khu phố *, phường P, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Vũ Đức A, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số *, N, khu phố *, phường P, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1965 (có mặt).

+ Nguyễn Công T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

+ Lưu Thị Ngọc T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Hồng X, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/12/2019 và ngày 28/12/2019 bị cáo Nguyễn Minh N thực hiện hai vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; cụ thể như sau:

Vụ 01: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 24/12/2019, bị cáo Nguyễn Minh N đi bộ trên đường “Trung tâm xã Đồng Sơn” thuộc ấp Bình Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, bị cáo nhìn thấy trước sân nhà của chị Lưu Thị Ngọc T có dựng một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha biển số 63B5-139.53 của chị Trần Thị N (trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy phép lái xe của chị N), không có người trong coi; bị cáo đi vào dùng tay mở dây điện của xe, nổ máy chạy thoát. Sau đó bị cáo điều khiển xe trộm được chạy lên Thành phố Hồ Chí Minh, làm chìa khóa xe và sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 25/12/2019, bị cáo thấy bạn gái tên Trần Thị Cẩm G (Nhi) không còn tiền tiêu xài, nên bị cáo đưa xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho Giang đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá

nhân. Sau đó Giang điều khiển xe 63B5-139.53 đến nhờ Vũ Đức A (Gấu) đem đến cầm cố tại Cửa hàng cầm đồ D, tại số *, đường số *, phường P, quận *, thành phố Hồ Chí Minh do anh Lê Đức T làm chủ số tiền 4.000.000 đồng, anh Nguyễn Tuấn A là quản lý cửa hàng cầm đồ Duy Linh là người trực tiếp nhận cầm cố.

Vụ 02: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 28/12/2019 bị cáo N đi bộ một mình theo đường cạp Kênh Tham Thu đến địa phận ấp Bình Tây, xã Thạnh Nhứt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, bị cáo nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision biển số 63B5-385.43 của chị Trương Thị Thanh T dựng tại sân nhà không ai trong coi, chìa khóa còn trên xe (trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân chị T); bị cáo đi vào lấy trộm và điều khiển xe chạy thoát. Sau đó bị cáo điện thoại cho anh Lê Quang Đ bán xe cho a Đ giá 8.000.000 đồng, do a Đ không có tiền nên mượn của anh Đặng Quốc C 6.000.000 đồng để trả cho bị cáo N, còn thiếu lại 2.000.000 đồng. Sau khi mua xe, a Đ và anh C điều khiển xe đi Thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi bị Công an thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An tạm giữ xe và bàn giao xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Công Tây xử lý theo thẩm quyền.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63B5-385.43 nhãn hiệu Honda, loại Vision, số máy JF66E1030824, số khung 5817GY915386 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng minh nhân dân; Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trương Thị Thanh T là chủ sở hữu.

- 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển số 63B5-139.53 nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, số máy HC12E5119106, số khung RLHHC1213DY120579 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị N là chủ sở hữu.

- 01 hóa đơn cầm đồ số A794 của Cửa hàng cầm đồ Duy Linh đề ngày 25/12/2019 và 01 giấy chứng minh nhân dân (phô tô) mang tên Vũ Đức A.

- 01 chiếc xe mô tô hai bánh có số máy LC150FMG Y0014198, số khung NJ100-200000505, xe không có bửng, không có kính chiếu hậu; xe được gắn biển kiểm soát 62K9-4738.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, số Imel: 354072093921865, sim số 0903794598; 01 nón lưỡi trai (nón kết) màu đen; 01 đôi dép kẹp có dòng chữ BIORENCATHA.

Theo kết luận định giá tài sản số 02/ KL-HĐĐGTTHS ngày 13/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây, định giá chiếc xe mô tô biển số 63B5-139.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 8.500.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 160/ KL-HĐĐGTTHS ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây, định giá chiếc xe mô tô biển số 63B5-385.43 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 28.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị N và chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự. Anh T, anh Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự. Riêng a Đ không có mặt tại địa phương, nên chưa xem xét việc bồi thường dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKSGCT ngày 11/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Nguyễn Minh N, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2019.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, số Imel: 354072093921865, sim số 0903794598 ngay khi án có hiệu lực pháp luật và 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh có số máy LC150FMG Y0014198, số khung NJ100-200000505, xe không có bửng, không có kính chiếu hậu.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 nón lưỡi trai (nón kết) màu đen và 01 đôi dép kẹp có dòng chữ BIORENCATHA ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ 01 hóa đơn cầm đồ số A794 của Cửa hàng cầm đồ Duy Linh đề ngày 25/12/2019 và 01 giấy chứng minh nhân dân (phô tô) mang tên Vũ Đức A là tài liệu chứng cứ đã được lập biên bản thu giữ; nên lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm xe mô tô biển số 63B5-139.53 của chị N và xe mô tô biển số 63B5-385.43 của chị T để bán xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, là có tội; bị cáo ăn năn, hối cải; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim E trình bày: Vào năm 2007, bà Nguyễn Thị Kim E mua xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, đăng ký biển số 62K9-4738 và nhờ con bà Kim E là anh Nguyễn Công T đứng tên giấy đăng ký xe. Tháng 12/2019, bà Kim E điều khiển xe đi làm thuê ở ấp Long Hòa, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thì bị mất xe và có trình báo Công an xã Long Bình Điền. Nay nếu có cơ sở xác định xe mô tô biển số 62K9-4738 mà bị cáo N sử dụng là xe của bà Kim E do anh Trần Công Thoại đứng tên giấy đăng ký xe, bà Kim E xin được nhận lại xe. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét người bị hại Trần Thị N, Trương Thị Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quang Đ, Đặng Quốc C, Nguyễn Tuấn A, Lê Đức T, Vũ Đức A, Trần Thị Cẩm G, Nguyễn Công T và người làm chứng Lưu Thị Ngọc T, Trần Thị N, Trần Thị Hồng X đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập dự phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt. Xét người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên là phù hợp với Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; cụ thể, bị cáo đã trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anpha biển số 63B5-139.53 của chị N và xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision biển số 63B5-385.43 của chị T để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo được đối chiếu phù hợp với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, là có tội; ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ; đồng thời gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Theo biên bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTTHS ngày 13/01/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anpha biển số 63B5-139.53 có giá trị 8.500.000 đồng và biên bản kết luận

định giá tài sản số 160/KL-HĐĐGTTHS ngày 30/12/2019, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision biển số 63B5-385.43 có giá trị 28.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 36.500.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, đang trong độ tuổi lao động, nhưng lười biếng lao động; có khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; đồng thời bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể vào năm 2019, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xử phạt 06 tháng về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 22/2019/HSST ngày 15/3/2019; nhưng sau khi chấp án xong ngày 12/9/2019, bị cáo không chịu sửa đổi, lao động chân chính mà tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tuy nhiên bị cáo phạm tội nhiều lần và tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; nên khi lượng hình cần xem xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Xét xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anpha biển số 63B5-139.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả xe cho chị Trần Thị N là chủ sở hữu, nên không xem xét.

- Xét xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision biển số 63B5-385.43 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng minh nhân dân; quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả xe cho chị Trương Thị Thanh T là chủ sở hữu, nên không xem xét.

- Xét 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, số Imel: 354072093921865, sim số 0903794598 bị cáo sử dụng để thực hiện trong việc trộm cắp tài sản, nên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét 01 nón lưỡi trai (nón kết) màu đen và 01 đôi dép kẹp có dòng chữ BIORENCATHA là tài sản cá nhân của bị cáo mang theo trong việc thực hiện trộm cắp tài sản, bị cáo không nhận lại, tài sản không còn giá trị sử dụng; nên tịch thu, tiêu hủy ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét 01 hóa đơn cầm đồ số A794 của Cửa hàng cầm đồ Duy Linh đề ngày 25/12/2019 và 01 giấy phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức A là tài liệu chứng cứ đã được lập biên bản thu giữ, nên lưu vào hồ sơ vụ án.

- Xét 01 chiếc xe mô tô hai bánh có số máy LC150FMG Y0014198, số khung NJ100-200000505, xe không có bửng, không có kính chiếu hậu mà bị cáo sử dụng.

Qua điều tra, xác minh; Cơ quan cảnh sát điều tra xác định không phải xe của bà Nguyễn Thị Kim E nhờ anh Nguyễn Công T đứng tên đã bị mất; xe bị cáo sử dụng không rõ nguồn gốc, xuất xứ; nên tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét biển số xe kiểm soát 62K9-4738 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Công Tây đang tạm giữ và có Công văn chuyển biển số xe kiểm soát 62K9-4738 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Gạo để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền; nên không xem xét trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Xét người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- Xét bị cáo N trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anpha biển số 63B5-139.53 giao cho chị Trần Thị Cẩm G cầm xe giá 4.000.000 đồng. Quá trình điều tra, chị G đã bỏ đi khỏi địa phương; Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh, điều tra không tìm được địa chỉ của chị G; nên không xem xét về trách nhiệm dân sự chị G trong vụ án này.

- Sau khi bị cáo N trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision biển số 63B5-385.43 biển số 63B5-284.56 bán cho a Đ 6.000.000 đồng. Quá trình điều tra, a Đ đã bỏ đi khỏi địa phương, không có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường, Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh không tìm được địa chỉ của a Đ; nên không xem xét. Tuy nhiên, bị cáo bán xe mô tô trên thu lợi bất chính số tiền 6.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân; do đó buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét anh Vũ Đức A cầm xe mô tô biển số 63B5-139.53 cho anh anh Lê Đức T số tiền 4.000.000 đồng. Quá trình điều tra, anh Vũ Đức A với anh Lê Đức T tự thỏa thuận, bồi thường; nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 47; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điều 106, 136, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Phạt bị cáo Nguyễn Minh N 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2019.

2. Về vật chứng:

+ Tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, số Imel: 354072093921865, sim số 0903794598 và 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh có số máy LC150FMG Y0014198, số khung NJ100-200000505, xe không có bửng, không có kính chiếu hậu ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) nón lưỡi trai (nón kết) màu đen và 01 đôi dép kẹp, có dòng chữ BIORENCATHA ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Minh N nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Có mặt nghe tuyên án: Bị cáo N. Vắng mặt: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT – Công an huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Bị cáo;
- Người bị hại, NLQ;

Lê Trung Hiếu

- Lưu hồ sơ, án văn.